

VĂN CÚ KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 3

(Phần Thượng)

Từ “Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc muốn giải quyết sự nghi của mình” trở xuống đến hết phần kệ tức là Phát vấn tự Văn chia làm hai phần: Trường hàng và Kệ tụng. Trong phần trường hàng kinh gia thuật nghi của mình và đại chúng, đưa ra câu hỏi, hỏi về cõi này, cõi khác... như văn. Vậy vì sao có kệ tụng ư? Trong luận Tỳ-bà-sa ngài Long Thọ nói có bốn lý do: Thứ nhất, là tùy quốc độ, Thiên Trúc có cách nói tán hoa và quán hoa, như đoạn này là tựa, sau là bài minh. Thứ hai, là tùy sự ưa muốn không đồng, có ưa tán thuyết hoặc ưa chương cú. Thứ ba, là tùy theo chúng sinh hiểu không đồng, hoặc đối với tán thuyết mà hiểu được, hoặc nơi chương cú mà hiểu được. Thứ tư, là tùy căn cơ lợi độn, lợi thì một phen nghe liền ngộ, độn thì nghe nhiều lần mới ngộ. Lại, tiêu biểu đức Phật ân cần lập lại, và vì đại chúng vân tập có trước có sau, cho nên có kệ.

Kệ có sáu mươi hai hàng, (mỗi hàng gồm bốn câu, mỗi câu năm chữ) chia làm hai phần: Phần một, gồm năm mươi bốn hàng đầu, tụng phần hỏi trên. Phần hai, gồm tám hàng sau, là thỉnh đáp. Phần hỏi lại chia làm hai: Bốn hàng trước, là hỏi về cõi này. Năm mươi hàng sau, là hỏi về cõi khác. Ở văn trường hàng thì hỏi chung sáu điềm lành ở cõi này, trong kệ thì có thêm: “gió thơm thổi và đất thanh tịnh”, không nói “thuyết pháp nhập định”. Xem văn thì cho rằng nói có thừa có thiếu, nhưng xét nghĩa thì không như vậy. Vì thuyết pháp là tánh tuệ, nhập định là thiên tâm, do thiên tâm tuệ tánh mới có thể động đất, phóng quang. Bởi nêu ngọn thì có thể biết gốc, cho nên thiếu mà chẳng phải thiếu. Người khác chẳng thấy được ý này, cho rằng Di-lặc không hỏi hai việc thì không coi là điềm lành. Nay lại nạn vấn: Nếu Di-lặc không hỏi thì Văn-thù cứ sao lại đáp? Lại hỏi chỉ nơi nào làm câu hỏi, nay chỉ văn trường hàng là tổng hỏi. Nếu lại muốn rõ chỗ nào là hỏi riêng, thì chỉ là hai chữ “đạo sư”, bởi vì thuyết pháp nhập định mới có thể dẫn dắt

người, Đã xưng tán “đạo sư” tức là hỏi thuyết pháp nhập định, vì vậy cho nên chẳng phải thiếu. Chỗ khác nói: “gió do rừng cây chiên đàn cho nên thơm, đất thêm nghiêm tịnh tăng trưởng”, đó là thừa hai việc. Nay nói chẳng thừa, bởi gió vốn không có mùi thơm mà thơm, đó gọi là kỳ lạ đặc biệt, cho nên thành điềm lành. Xét rằng trời mưa hoa rất mâu nhiệm, há có sắc mà không hương? Đây là tiêu biểu Nhân vận chuyển đến Quả, như hoa có gió hương, hoa đã nhóm nơi đất, đất thì nghiêm tịnh, nhân nếu hưởng đến quả thì quả nghiêm tịnh. Kinh Kim Quang Minh nói: Tự tập công đức trang nghiêm thân Phật, cho nên lấy hai việc hiển bày thành bốn loại hoa, thừa mà chẳng thừa.

Năm mươi hàng tụng kế tiếp, từ “Ánh sáng giữa chặn mây” trở xuống, là tụng hỏi sáu điềm lành ở cõi khác. Xưa nói: “Trong bài tụng không hỏi tam thừa tứ chúng, không hỏi Phật Niết-bàn” Nay giáo phế bỏ ba, sao bỗng hỏi ba? Mới nói Thọ lượng, sao hỏi Diệt độ?. Đối với nghĩa, không tiện cho nên không hỏi. Than ôi! Không hiểu không tiêu hóa văn mà ép kinh theo ý riêng. Nay nêu rõ trong bài tụng hỏi đầy đủ sáu điềm lành ở cõi kia. Văn chia làm sáu phần: 1. Ba hàng đầu, hỏi lục thú chúng sinh; 2. Bốn hàng tiếp, hỏi thấy đức Phật kia và thuyết pháp; 3. Ba hàng tiếp, hỏi bốn chúng cõi khác; 4. Một hàng rưỡi kết trước mở sau; 5. Ba mươi một hàng rưỡi, hỏi các cõi khác tu Bồ-tát hạnh; 6. Bảy hàng hỏi cúng dường xá-lợi, tức là hỏi Phật Niết-bàn.

1. Ba hàng đầu hỏi về chúng sinh ở sáu đường, nghiêm các tụng này, thì biết “Ánh sáng chiếu phương Đông” trong văn trường hàng ở trên là ý chiếu chung các cõi kia. Các tụng này, tụng phần tổng hỏi ở trên. Chúng sinh trong sáu đường (lục thú) là nơi người năng đến. Sinh tử là nơi đến. Thiệt ác, nghiệp duyên là nhân các Thú.Xấu, tốt là quả các Thú.

2. Từ “Lại thấy các đức Phật” trở xuống, bốn hàng: hỏi thấy các cõi Phật kia, trực tiếp thấy Phật thuyết pháp. Đây là rộng nêu tướng thuyết pháp, nghĩa là thuyết đốn giáo phù hợp căn tánh Đại thừa. “Đấng Thánh chúa Sư tử” tức như cõi này hiện hình tượng Lô-xá-na Phật. “Diễn thuyết các kinh pháp, vi diệu mâu bậc nhất”, tức như cõi này mặt trời trước chiếu lên núi cao Phật diễn thuyết Hoa Nghiêm. “Dạy bảo các Bồ-tát” tức như các hội thuyết pháp ở bảy chỗ thuộc cõi này, thì trong hội không có hàng Thanh văn. “Để soi rõ Phật pháp, mà khai ngộ chúng sinh”, tức như cõi này ban đầu thấy thân Phật, nhập Như lai tuệ.

3. Từ “Nếu có người bị khổ” trở xuống, ba hàng: hỏi bốn chúng ở cõi kia, tức là sau khi Phật nói đốn giáo. Tiếp đến Tam tạng giáo “nếu

có người bị khổ” tức mở Thanh văn thừa, bài tụng nêu đầy đủ tứ đế, ở văn rất rõ ràng. “Nếu là người bị khổ, mà tạo ác nghiệp khổ, thì khổ không thể hết”. Đây là chúng sinh dưới tận cùng đáy. “Nếu là người bị khổ, mà tạo các thiện nghiệp, thì khổ cũng không hết”. Tức nhằm chán cõi dưới vin vào cõi trên, như Nan-đà vì ham muốn cho nên trì giới... Nếu có người bị khổ, ở trong pháp ngoại đạo cầu giải thoát, thì tăng thêm kiến giải sai trái, khổ cũng bất tận. Nếu có người bị khổ, nhằm chán khổ tập, lại nhằm chán y quả, cảm được Niết-bàn mà Đức Phật thuyết, thì người này có thể “dứt trừ các biên khổ”. Ở cõi kia cũng khai thừa này. “Nếu là người có phước” trở xuống, một hàng: khai trung thừa, “Nếu cúng dường Phật, thì ít gặp khổ não, nếu cúng dường Phật nhiều, thì tuy gặp khổ mà vẫn phước”. Cho nên nói Thanh văn ba đời gieo hạt giống phước, Bích-chi-phật trăm kiếp gieo trồng phước. So sánh với Thanh văn kia, cho nên nói có phước. “Chí cầu pháp thù thắng” là hàng Thanh văn chán khổ mà tu hành, Bích-chi-phật cầu đạo nên tu hành, tha thiết cầu lý duyên khởi thù thắng vi diệu, tức là cõi kia khai trung thừa. “Nếu lại có Phật tử” trở xuống là khai Lục độ đại thừa, vì chân thật từ bi năng nối tiếp dòng giống Phật, nên nói là “Phật tử”. Tu pháp Lục độ, cho nên nói “các công hạnh”.

Chí cầu Phật cho nên nói “vô thượng tuệ”, trong lục độ không có lục tế, như trong dục không có bệnh, nên nói “Tịnh đạo” mà không phải rất ráo tịnh. Lại, Thanh văn lấy Khổ đế làm Quán môn, Duyên giác lấy Tập đế làm môn, Lục độ Bồ-tát lấy Đạo đế làm môn, cho nên nói “Tịnh đạo”.

4. Từ “Ngài Văn-thù-sư-lợi, tôi ở tại nơi đây” trở xuống, một hàng rưỡi: kết trước khai sau. “Thấy nghe như thế đấy” tức là kết trước, “Thấy rất nhiều như thế” tức là khai sau.

5. Từ “Tôi thấy ở cõi kia” trở xuống, ba mươi một hàng rưỡi: hỏi sự tu hành của các vị Bồ-tát ở các cõi kia. Phần này lại có ba phần nhỏ:

- a. Một hàng: hỏi chung.
- b. Mười lăm hàng tiếp: hỏi lần lượt.
- c. Mười lăm hàng rưỡi cuối: hỏi lẫn lộn (tạp).

Phần nhỏ a.1. Một hàng hỏi chung, có thể hiểu.

Phần nhỏ a.2. Từ “Hoặc có vị bố thí” trở xuống, có mười lăm hàng: hỏi lần lượt, trong đó chia làm sáu mục nhỏ: a.2.1) Sáu hàng, hỏi Đàn Ba-la-mật. a.2.2) Hai hàng, hỏi Thi-la Ba-la-mật. a.2.3) Một hàng, hỏi Nhẫn Ba-la-mật. a.2.4) Một hàng, hỏi Tinh tấn. a.2.5) Hai hàng hỏi

Thiền. a.2.6) Ba hàng hỏi Trí tuệ Ba-la-mật.

- Trong phần hỏi Đàn Ba-la-mật có ba ý:

1. Bốn hàng hỏi xả tài.

2. Một hàng hỏi xả thân.

3. Một hàng hỏi xả mạng. Trân báu nô tỳ sang hèn đều có thể bố thí. “Xe bốn ngựa xe báu”, hào hiệp bố thí, vợ con... là ngoài thân, thân thể là nội thân. Xả đầu mắt tức xả mạng. Không nói pháp thí, là để sau nói Bát-nhã. Lại căn cứ xả thân mạng tài và xả sinh tử vị lai v.v... thì được bất hoại thường trú, tức là pháp thí, cho nên không riêng nói.

Từ câu: “Này Văn-thù-sư-lợi ta thấy các quốc vương” trở xuống, hai hàng hỏi Giới Ba-la-mật. Căn cứ Tỳ-kheo để luận trì giới. Tại gia bố thí dễ, trì giới khó. Xuất gia bố thí khó, trì giới dễ. Cho nên căn cứ Tỳ-kheo nêu rõ giới. Trong đây dẫn kinh Ngũ Vương...

Từ câu: “Hoặc thấy các Bồ-tát” trở xuống, một hàng: hỏi Nhẫn Ba-la-mật, nhẫn có ba thứ: Đối với rừng sâu, hang vắng, người ác, thú ác đều nhẫn nại không giận, tức Sinh nhẫn. Tự mình tiết chế giữ gìn ý chí tức Khổ hạnh nhẫn. Vì cầu Phật đạo, tức Đệ nhất nghĩa nhẫn, Lại “Mà hiện làm Tỳ-kheo” tức Khổ hạnh nhẫn. “Riêng ở chỗ vắng lặng” tức Sinh nhẫn. “Ưu vui tụng kinh điển” tức Đệ nhất nghĩa nhẫn.

Từ “Cùng thấy các Bồ-tát dũng mãnh” trở xuống, một hàng hỏi Tinh tấn Ba-la-mật. Ở núi sâu đáng sợ mà chẳng sợ hãi biếng nhác, dũng mãnh tinh tấn, năng an ổn, coi như bên cạnh mình không có ai, tư duy thật tướng, niệm niệm không dừng tinh tiến cầu Phật đạo.

Từ “Lại thấy bậc ly dục” trở xuống, hai hàng hỏi Thiền Ba-la-mật: một hàng trước, hỏi tu căn bản thiền, một hàng sau, hỏi tu xuất thế thượng thượng thiền. Thông đồ đều có căn bản Thiền. “Ly dục”, nếu lìa dục thì chứng đắc ngũ thông, là định của Thông giáo. Lại, căn bản vốn ly dục. Bối xả cũng là tu bất tịnh v.v... là ly dục. Biệt giáo bao gồm lìa dục nhị thừa, trung đạo và lìa dục thuận đạo pháp ái... “Sâu tu các thiền định”, phát sinh bậc một Sơ thiền, định này chưa sâu, cho đến bậc chín tiếp nối mới sâu. Lại, bối xả, cửu định, bát thắng, thập nhất thiết nhập nối tiếp thì sâu. Định này chuyển biến tự tại, năng phát sinh các thần thông, phạm phu chỉ có ngũ thông, hàng nhị thừa có đầy đủ sáu. Bồ-tát Biệt giáo kém chư Phật phần hữu vô lậu, cũng chỉ có ngũ thông, Viên giáo từ đầu đến cuối đều đầy đủ lục thông. Một hàng từ “Chấp tay trụ thiền định, dùng muôn ngàn bài kệ” trở xuống, nêu Thượng thượng thiền, đây là thiền của Biệt giáo, Viên giáo, động, tĩnh không ngăn ngại nhau, không khởi diệt định mà hiện các oai nghi, như đàn Tu-la không

đánh mà kêu, không duyên không niệm mà có cảm tức có hình tướng. Cho nên, có thể an trú thiền định tán thán chư Phật.

Từ “Lại thấy có Bồ-tát, Trí sâu chí bền chắc” trở xuống, ba hàng: hỏi Bát-nhã, chia làm hai phần. Hàng đầu là tự tu hành. “Trí sâu” là trí tuệ cùng tột nguồn gốc lý. “Chí bền chắc” là thệ nguyện rộng lớn. Đây tức là hai thứ trang nghiêm năng vấn năng trì. Hai hàng từ “Lại thấy hàng Phật tử, định tuệ trọn đầy đủ” trở xuống, là hạnh hóa tha, chưa đạt đến tuệ nhiều, định vô sắc nhiều. Bạc Tứ thiền bối xả, tuệ nhiều; bậc cửu định, định nhiều; trong nhất thiết nhập thì bình đẳng. Lại, hàng Nhị thừa định nhiều, Bồ-tát tuệ nhiều, Phật thì bình đẳng. Lại, Không quán thì định nhiều, Giả quán thì tuệ nhiều, Trung quán thì bình đẳng. “Vô lượng dụ” tức là các thứ phương tiện, trong các giáo dẫn vô lượng loại thí dụ trợ giúp hiển bày đệ nhất nghĩa. “Phá dẹp các binh ma”, là Không quán phá bốn ma, Giả quán thứ lớp phá tám ma, Trung quán phá trọn tám ma, mười ma, hết thủy ma. “Đánh trống pháp”, là hàng sơ phát tâm trụ liền thành chánh giác, ở trăm thế giới chư Phật, làm Phật đánh trống pháp Phạm luân viên mãn.

Từ “Lại thấy vị Bồ-tát vắng bật yên lặng ngồi” trở xuống có mười lăm hàng rườì, không trải qua thứ tự, tùy thấy mà hỏi.

Hỏi: Pháp lục độ trên tự thâu tóm được vạn hạnh, vì sao lại phải hỏi rất phiền tạp thế? Đáp: Trên hỏi theo thứ lớp thì tự vào một đường. Không theo thứ lớp thì không nhất định một đường. Đã nói là các thứ tướng mạo, thì sao chỉ hai đường mà lại cho là phiền?

Đây là thứ lớp và tạp loạn hai phen nói về lục độ. Nghĩ cỡi kia sau khi khai Tam tạng thì thuyết Phương đẳng, Thập nhị bộ kinh, nêu tướng mạo của lục độ đầy đủ như đây không khác. Trong tạp vấn văn gồm bảy ý:

Ý thứ nhất: hai hàng, hỏi thiền. Lại chia làm hai: một hàng trước, hỏi nhập thiền xả thiền, tức là tự hành. Từ “Lại thấy có Bồ-tát ở rừng phóng hào quang” trở xuống, là hàng thứ hai, hỏi nhập Bi thiền, bắt đầu hóa tha, Bồ-tát nhập định phóng hào quang khắp nơi lợi ích. Đây đủ xem trong kinh Hoa Nghiêm, Tư Ích... sẽ rõ.

Ý thứ hai: Từ “Lại thấy hàng Phật tử chưa từng có ngủ nghỉ” trở xuống, một hàng: hỏi tinh tấn, tức là pháp môn Bát-chu niệm Phật...

Ý thứ ba: Từ “Cũng thấy đủ giới đức” trở xuống, một hàng, hỏi giới. “Oai nghi không thiếu sót”, tức là ban đầu tu tập không thiếu giới. “Lòng sạch như bảo châu” tức là giới thứ mười rốt ráo, trung gian có thể hiểu. Thập Giới như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa thuyết.

Ý thứ tư: Từ “Lại thấy hàng Phật tử trụ nơi sức nhẫn nhục” trở xuống, một hàng rưỡi: hỏi nhẫn, tức Sinh nhẫn và Pháp nhẫn.

Ý thứ năm: Từ “Lại thấy có Bồ-tát xa rời sự đùa giỡn” trở xuống, hai hàng : lại hỏi thiền định. “Xa rời sự đùa giỡn” tức từ bỏ Trạo hối cái. “Lìa quyến thuộc ngu si” tức trừ Sân cái. “Thân cận các người trí” tức trừ bỏ triền Nghi cái. “Nhất tâm trừ bỏ loạn” tức bỏ Tham cái. “Nhiếp niệm ở núi rừng” tức trừ Thù cái.

Ý thứ sáu: Từ “Hoặc thấy có Bồ-tát đem các thức ăn uống” trở xuống, năm hàng: hỏi Bố thí. Lại chia làm hai: Bốn hàng trước nêu rõ bố thí tứ sự. Từ “Cúng thí như thế đó” trở xuống, một hàng sau: kết thành.

Ý thứ bảy. Từ “Hoặc có vị Bồ-tát giảng nói pháp tịch diệt” trở xuống, có ba hàng: hỏi Bát-nhã gồm một hàng: Không thể thuyết mà thuyết Bát-nhã, một hàng: Không thể quán mà quán Bát-nhã, một hàng: Ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt. Tức là thuyết không thể thuyết, quán không thể quán mà luận Bát-nhã. Hoặc có thể coi ba phen hỏi Bát-nhã này là thấy các cõi khác thuyết lục độ trong Phương đẳng bên trên. Hoặc có thể nghĩ cách khác rằng: các cõi khác thuyết Phương đẳng, sau nêu Đại phẩm giáo, đàm luận đầy đủ trí Bát-nhã tịch diệt không hai, thanh tịnh không đấm trước, cõi này và kia đều đồng. Hoặc có thể nói pháp tịch diệt là ý trong Phương đẳng, quán các pháp tánh cũng như hư không là ý Bát-nhã. Chính là lịch pháp, tác quán pháp, tướng không hai, nghĩa này thật cùng với kinh Đại Phẩm phù hợp. Nếu cho rằng cõi kia biết ý của Pháp Hoa thì tức hai câu: “dùng tuệ vi diệu này mà cầu vô thượng đạo”, thấy có người tu diệu tuệ mà không thấy đạo tràng diệu tuệ Pháp Hoa. Nếu thấy đạo tràng, thì biết được đây giống như kia, thì có gì phải nghi? Chỉ thấy có người mà không thấy tòa, toàn chúng nghi nên hỏi. Hoặc có thể ba phen hỏi về Bát-nhã cùng với Bát-nhã cõi này tương đồng, chưa biết tiếp theo sau sẽ thuyết gì? Vì vậy cho nên nghi vấn, hai ý đây do người sử dụng đó thôi!

Văn trường hàng trên chỉ nêu sáu ý. Kệ tụng đã rộng hiển rõ nghĩa như vậy...

6. Từ “Ngài Văn-thù-sư-lợi, lại thấy có Bồ-tát” trở xuống, có bảy hàng: Sau khi Phật diệt độ dùng xá-lợi xây tháp miếu, chính bài tụng trên nói Phật các cõi kia hiện ra ở đời Ngũ trước, từ nơi một pháp vô tướng khai ra tiệm giáo và đốn giáo, cho nên có hai pháp ba đường, đủ thứ hạnh loại, tướng mạo không đồng, như trên đã thấy. Nay thấy đức Phật kia nhập Niết-bàn, hàng Phật tử ngưỡng mộ đức độ xây tháp

cúng dường, tức tiêu biểu vô lượng đều qui nhập vào một, một xuất ra vô lượng, tướng trước đã tiêu biểu vô lượng qui vào một, chính là nhập Niết-bàn. Tại sao sợ ngăn thọ lượng, xây dựng tháp làm Phật sự? Thương thay thương thay!

Văn chia làm sáu phần:

1. Một hàng, tổng nêu sau khi Phật diệt độ xây tháp.
2. Từ “Lại thấy hàng Phật tử xây dựng các tháp miếu” trở xuống, một hàng : nêu rõ số lượng tháp.
3. Từ “Bảo tháp rất cao đẹp” trở xuống, một hàng : nêu rõ chất lượng tháp.
4. “Trong mỗi mỗi tháp miếu” trở xuống, một hàng : nêu rõ hình tướng tháp.
5. Từ “Các vi trời, rồng, thần” trở xuống, một hàng : nêu sự cúng dường.
6. Từ “Ngài Văn-thù...” trở xuống, hai hàng : kết. “Tháp-bà”, Trung hoa dịch là Phương phần. Đại quán đánh dịch là phần mộ (trùng). Điện đường như Linh miếu, nhà thờ ở cõi này, để tôn sùng các bậc vĩ nhân, tuần kiệt để thừa ân mưa móc, thường tiêu biểu cõi nước thanh tịnh qui về, tâm hướng lên Thánh. “Thọ Vương” tức là cây Ba-lợi-chất-đa, chính cúng dường Xá-lợi là trang nghiêm cõi nước Phật...

I. PHẦN THỈNH ĐÁP : Từ “Phật phóng một luồng sáng” trở xuống, có tám hàng chia làm hai phần: Ba hàng đầu nêu việc nghi ngờ, bày tỏ thỉnh. Năm hàng sau giải thích phục nạn. Ba hàng đầu lại chia làm ba: Một hàng đầu nêu thấy sự việc ở cõi này, lấy tướng bạch hào làm gốc cho nên nêu trước và “các việc”, cho nên nói “chúng chúng”. Một hàng tiếp từ “Thần lực của chư Phật...” trở xuống, nêu thấy sự việc ở cõi khác, chư Phật là gốc tức tổng nhiếp năm thừa khác. Từ “Chúng ta thấy việc này” trở xuống, một hàng là thỉnh đáp

Năm hàng sau giải thích phục nạn lại chia làm hai phần: Bốn hàng đầu, chính giải thích phục nạn. Một hàng sau là kết thỉnh. Nói “phục nạn”, ấy là Văn-thù trong tâm gây khó, không chịu đúng thời đáp. Khó có ba ý: Một, là điềm lành này đặc biệt kỳ lạ không thể vọi vàng khinh thường mà có phê phán. Hai, là trí tuệ của chúng như biển, khiêm tốn nhường bậc cao minh. Ba, là cố để nghi vấn đeo đuổi tất sinh khao khát giải đáp. Cho nên, dùng phục nạn kín đáo mà chống lại. Di-lặc tỏ rõ ý muốn giải thích nạn vấn cũng có ba: Một, là Thụy lớn nghi lớn nếu không giải thích e chúng ưu tư về nguyên nhân Phật phóng

quang mãi mà cản trở nghe chánh thuyết. Hai, là chúng như biển nhưng hiểu được cơ duyên này chỉ có Nhân giả (Văn-thù). Ba, là hợp với chúng đều chiêm ngưỡng chờ đợi Nhân giả cho nên biết chuyên chú, chí thành ân cần thỉnh giải thích rõ nạn vấn. Phục nạn đầu tiên nhân ở lời chánh thỉnh, tức câu kệ: “Xin Phật tử Văn-thù, giải quyết lòng chúng nghi”. Bồ-tát Văn-thù chiếu theo lời thỉnh này, khởi lên phục nạn đầu tiên: “Ông nói các chúng nghi nhưng chưa từng nghi. Nếu nghi thì nên hỏi. Chúng đã không nghi tôi đâu cần giải quyết!” Di-lặc liền dùng kệ thứ nhất giải thích rằng: “Bốn chúng đều trông ngóng, nhìn ngài và nhìn tôi”, “nhìn tôi” tức muốn khiến tôi hỏi, “nhìn ngài” là mong ngóng muốn được Ngài giải đáp. Văn-thù nhân đây khởi lên phục nạn lần thứ hai: chúng đồng có nghi không dễ có thể đáp, đợi Phật xuất định xong sau mới giải quyết nghi.

Di-lặc liền dùng bài kệ thứ hai giải thích: Nếu để chúng ưu tư về điềm lành hào quang Phật mãi, thì không có lợi ích, nên xin Ngài giải đáp ngay. Lại biết Như Lai lúc nào ra khỏi định cho nên Phật tử đúng thời đáp giải quyết sự nghi khiến cho chúng vui mừng. Văn-thù nhân đây khởi phục nạn lần thứ ba: “Tôi với ngài cùng vị Học địa, muốn lường được ý Phật thì bí mật cùng suy lường, chỉ khiến một mình tôi giải đáp đối với lý thì không thể”. Di-lặc liền dùng bài kệ thứ ba giải thích. Tôi cũng dùng tâm thấp kém tư duy phân vân: một là Phật muốn thuyết Diệu pháp, hai là sẽ thọ ký, cho nên nói: “Phật ngồi trong đạo tràng, chứng đắc pháp vi diệu, vì muốn nói pháp ấy, hay là sẽ thọ ký?”, Văn-thù nhân đây khởi phục nạn lần thứ tư: “Nếu như ông nói tức nghi đã giải đâu cần đến tôi đáp”. Di-lặc liền dùng bài kệ thứ tư giải thích: Sao lại dùng tâm do dự của tôi mà phán xét việc lớn? Cho nên nói: “Hiện bày các cõi Phật, đây chẳng phải duyên nhỏ” Ngài Văn-thù hết cách phục nạn, hào quang cũng đã dừng chiếu, nên một bài kệ sau cùng là tổng kết thỉnh đáp. Đây là bốn phen phục nạn, Quang Trạch thọ (nhận) nơi Thứ Sư, Thứ Sư thọ nơi Kiếm Sư ở Giang bắc. Đã là các bậc tiên hiền khéo tư duy ngoài văn, mà nay được nhờ vậy.

Từ “Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi nói với Di-lặc” trở xuống đến hết phần kệ, gọi là Tựa Vấn đáp. Gồm có văn trường hàng và kệ tụng. Văn trường hàng chia làm bốn phần:

1. Từ “Nói với Di-lặc” trở xuống gọi là Suy nghĩ đáp.
2. Từ “Thiện nam tử, ta ở trong đời quá khứ” trở xuống, gọi là Lược từng thấy đáp.
3. Từ “Thiện nam tử, như quá khứ” trở xuống, gọi là Rộng từng

thấy đáp.

4. Từ “Nay thấy điềm lành này cùng với xưa không khác” trở xuống, gọi là Phân minh phán đáp. Xét rằng lấy dưới đo lường trên, thì chỉ có thể giống như phỏng đoán, chỉ nói xưa giống nay mà không thể quyết đoán ngay. Sở dĩ ban đầu từ lột phốt thấy không rõ, tiếp đến dần lược thấy, lược thấy chưa cùng khắp, lại dẫn đến rộng thấy, lấy nhiều để chứng minh một, đến lúc ấy mới phân minh phán xét được.

Suy nghĩ đáp: Trả lời câu hỏi trên về cõi này. Lược từng thấy đáp: Trả lời câu hỏi trên về cõi khác. Rộng từng thấy đáp: Trả lời câu hỏi về cõi này và cõi khác. Phân minh đáp: Trả lời phán xét cõi này cõi khác. Phân Suy nghĩ đáp chia làm hai: ban đầu nêu chương, sau chính suy nghĩ. Nghĩ xưa như nay, suy nay như xưa. Nhưng Văn-thù là cổ Phật lẽ nào lại không biết, vì Tích mà thì hiện tư duy. Ngài Quang Trạch cho rằng: hai câu đầu và sau, là pháp thuyết, tiêu biểu nhân quả rộng lược; ba câu giữa, là thí dụ thuyết. “Muốn thuyết đại pháp” là lược khai tam hiển nhất, lược khai cận hiển viễn. “Diễn nghĩa đại pháp” là rộng khai tam hiển nhất, rộng khai cận hiển viễn. “Mưa đại pháp” là thí dụ được thọ ký làm Phật, bởi vì xưa nhân quả định chấp không được làm Phật, là nghĩa khô héo, nay đều làm Phật, là nghĩa mưa thấm nhuần. “Thối đại pháp loa” là sửa đổi hiệu của tam thừa. Trống lệnh dạy binh là thí dụ phá vô minh. Nay nêu rõ pháp thuyết kia không dùng. Vì sao? Vì tích bản hai môn do tịch mỗi thứ đều khác. Tích thì do tịch khởi, Di-lặc sinh nghi, Văn-thù giải thích. Bản thì do tịch chưa khởi, Di-lặc nghi chỗ nào? Văn-thù giải thích chỗ nào? Nếu trong đó đã là giải thích nghi khai cận hiển viễn, thì về sau các chúng từ đất vọt lên, cơ sao Di-lặc lại nghi? Lại nghi tức lạm dụng nghi, lạm dụng giải thích. Sự giải thích ở sau Không thực thì trước cũng sai lầm. Đây tức có sự trở ngại lớn cho nên không dùng. Nay nêu Di-lặc chỉ hỏi điềm lành của hai cõi đây kia trong Tích môn. Văn-thù dùng suy nghĩ đáp, đáp sự trong Tích, không liên quan đến thọ lược, đến sự trong Bản. “Muốn thuyết đại pháp” là giải đáp điềm lành nói pháp. “Mưa đại pháp vũ”: là đáp điềm lành mưa hoa. “Thối loa đại pháp”: là giải đáp điềm lành tâm đại chúng hoan hỷ. “Đánh trống đại pháp”: là đáp điềm lành đất chấn động. “Diễn nghĩa đại pháp”: là giải đáp điềm lành Phật phóng hào quang.

“Muốn thuyết đại pháp”: là nghĩ khi xưa chư Phật sau khi thuyết Vô Lượng Nghĩa, thì khai quyền hiển thật, thâm tóm vô lượng qui về một, và suy ra nay Phật đã thuyết pháp rồi thì cũng nên khai quyền hiển thật, hợp vô lượng để qui về một. Một tức là đại pháp. “Mưa đại

pháp vũ” là nghĩ xưa chư Phật, sau khi trời mưa bốn loại hoa thì đều nhập Viên nhân thập trú thập hạnh, thập hồi hương thập địa, và suy ra nay Phật sau khi mưa hoa đều thành Phật nhân, nhập thập trú, hạnh, hồi hương và thập địa, cho nên nói “mưa đại pháp vũ”. “Thối đại pháp loa”, là nghĩ xưa bốn chúng thấy điềm lành thì hoan hỷ, được điều chưa từng có, lia chướng, tâm chấn động, biến đổi Nhân (người), Giáo, Hạnh, Lý, và suy ra nay chúng hoan hỷ, thì cũng nên lia chướng, tâm chấn động, biến đổi Nhân Giáo Hạnh Lý. Biến đổi sâu xa, nên nói “thối đại pháp loa”. “Đánh trống đại pháp” : là nghĩ xưa sau khi đất chấn động rồi thì có sáu phen phá giác vô minh, và suy ra nay cõi Phật chấn động rồi thì sau đó cũng nên sáu phen phá Hoặc vô minh. Thanh giáo cực kỳ vi diệu, cho nên nói “đánh trống đại pháp”. “Diễn nghĩa đại pháp”, là nghĩ xưa chư Phật sau khi phóng bạch hào quang thì thuyết Pháp Hoa, đây kia đạo đồng, và suy ra nay Phật sau khi phóng quang rồi thì rộng nêu ngũ Phật đạo đồng. Đã là Phật đạo, cho nên nói “diễn nghĩa đại pháp”. Như vậy, năm câu đều là nghĩ xưa xét nay, suy ra nay giống xưa. Hiểu văn kèm theo nghĩa, chỉ thiếu một điềm lành nhập định, mà mưa hoa động đất phóng quang v.v... đều do nhập định mới có, ý thì bao gồm đầy đủ không nhọc công nghi ngờ, thiếu một điều này cho nên gọi là “lược đáp” đó thôi! Nay lại có giải thích khác: một câu đầu nêu tổng, bốn câu sau nêu biệt. Tổng là “đại pháp”, Biệt là “mưa, thối, đánh, diễn” tức khai, thị, ngộ, nhập. Như bầu trời chẳng có lớn nhỏ, chẳng có màu đỏ trắng, mà mưa hoa thì có đỏ trắng...

Như đệ nhất nghĩa chẳng khai thị ngộ nhập, khi thấy lý này tức là chứng khai thị ngộ nhập. Ví như gieo hạt giống được mưa thì bắt đầu nảy mầm, nay nghe mưa đại pháp, hạt giống pháp tánh thấm nhuần, phá vỡ trấu vô minh, đạt Thập trụ, là khai tri kiến Phật. Ví như thối pháp loa, biết là đã biến đổi hiệu, đây cùng với trước đã đạt Thập trụ, nay từ Thập trụ nghe pháp lại biến đổi, nhập Thập hạnh tức Thị tri kiến Phật. Ví như đánh trống, biết điều động binh lính, đây cùng với trước đã ở tại Thập hạnh, nay từ Thập hạnh nghe pháp chuyển tâm, nhập Thập hồi hương, là Ngộ tri kiến Phật. Diễn nói sâu rộng cùng khắp mới gọi là “diễn nghĩa”, đây cùng trước đã ở tại Thập hạnh, nay từ Thập hạnh nhập vào Thập địa, là Nhập tri kiến Phật, đến tận nguồn hết giới hạn, sâu rộng đầy đủ. Nghĩ xưa hiện sáu điềm lành rồi thì khai thị ngộ nhập, suy ra nay có điềm lành thì sau đó cũng nên như vậy. Giải thích rộng phần Suy nghĩ đáp đã xong.

Lược từng thấy đáp: Từ “Ta từng ở nơi các đức Phật đời quá khứ”

trở xuống. Ban đầu dùng trí mình suy xét, bây giờ dùng Lực thấy để làm rõ chút ít đối với trước, nêu lên đây để giải đáp nghi vấn về cõi khác. Năm điềm lành ở cõi này không chung với cõi khác, chỉ một điềm lành phóng quang chiếu khắp phương Đông. Lực từng thấy đáp, chuyên đáp phóng quang, cho nên biết là đáp phần hỏi cõi kia. Nay thấy như xưa, xưa chỉ như nay. “Đức Phật vì muốn cho chúng sinh đều được nghe biết”, tức là hai tuệ Văn, Tư cũng như hai hạnh Tín, Pháp, mà thu tóm vô lượng qui về một, biến đổi giáo lý tam thừa, sáu phen phá vô minh... Chư Phật đồng khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, cho nên nói “pháp mà tất cả thế gian khó tin”.

Rộng từng thấy đáp: Từ “Như vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp về trước” trở xuống...: Làm rõ phần lược trên, nay rộng đáp nghi vấn cõi này cõi kia. Di-lặc nhân hào quang chiếu, ngang thấy phương Đông, lấy làm câu hỏi. Văn-thù dẫn xưa đọc thấy mà làm câu đáp, ngang đọc hiểu bày chư Phật đồng đạo. Văn chia làm ba phần: Một là: Dẫn một đức Phật đồng. Hai là: Dẫn hai vạn Phật đồng. Ba là: Dẫn một đức Phật sau cùng đồng. Trong phần một Đức Phật trước đồng lại chia làm ba phần: Một là: Nêu rõ thời tiết. Hai là: Nêu danh. Ba là Thuyết pháp. Thời tiết thì như văn. “Có đức Phật hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh” là Nêu danh đồng. Thông hiệu với đức Phật này thì đồng, biệt danh làm sao đồng? Đây phải dùng danh biệt nghĩa đồng để giải thích. Vì sao? Vì “Nhật” là mặt trời trí tuệ, “Nguyệt” là định, định tuệ là đức tự hành. “Đăng minh” là đức hóa tha. Bậc Năng nhân có khả năng định tuệ, có khả năng tự lợi, lợi tha. Lại “Nhật Nguyệt Đăng” là ba trí, đức Phật này cũng có ba trí. Tùy duyên mà xưng khác, nhưng nghĩa không sai khác, cho nên nói danh đồng. Từ “Diễn thuyết chánh pháp” trở xuống, là thuyết pháp đồng. Đức Phật xưa thuyết trước đốn sau tiệm, cùng với đức Phật nay đồng. “Diễn thuyết chánh pháp ban đầu, giữa, sau đều thiện”, tức là đốn giáo. Phàm nói Bảy thiện mới chung Đại thừa tiểu thừa. Tìm văn thì thấy là Bảy điều thiện của Đại thừa. “Ban đầu, giữa, sau cùng đều thiện”, tức là Tựa, Chánh, Lưu thông của Đốn giáo, gọi là Thời tiết thiện, “Nghĩa ấy sâu xa” tức là lý liễu nghĩa của Đốn giáo, hàng Nhị thừa không thể đo lường nổi độ sâu rộng của nghĩa ấy, nên nói “sâu xa”, đó gọi là Nghĩa thiện. “Lời lẽ khéo léo mầu nhiệm” tức là Bát âm theo Đốn giáo; hội lý nói thẳng làm hởi tâm Bồ-tát, tức là văn Đốn giáo gọi là Ngữ thiện: “Thuần nhất không lẫn lộn” là không chung với Nhị thừa, tức là Đốn giáo Độc nhất thiện. “Đầy đủ”, là nêu đầy đủ pháp mẫn tự của giới nội và giới ngoại, tức là Đốn giáo Viên

mãn thiện. “Thanh bạch” là không có dấu vết của nhị biên, tức là Đốn giáo Điều nhu thiện. Gương mẫu về hành thiện. “Tướng phạm hạnh”, thì “phạm” tức là Đốn giáo Vô duyên từ thiện.

Lại “sơ, trung, hậu, thiện” giải thích không đồng. Nay tạm theo một cách giải nghĩa là: Nếu Tiểu thừa lấy giới định tuệ làm tam thiện, thì Đại thừa dùng sơ trung hậu tâm làm tam thiện. Kinh Kim Quang Minh nói : “Tâm ban đầu của Như Lai bất khả tư nghì, tâm giữa của Như Lai đủ mọi thứ trang nghiêm, tâm sau cùng của Như Lai không thể phá hoại”. Đây cũng là ý tam thiện. Văn-thù dẫn cổ Phật thuyết Đốn giáo bầy thiện, cùng với đức Phật nay đốn thuyết bầy thiện đồng, cũng cùng với các cõi khác ban đầu thuyết Đốn giáo đồng. Vì thế, Văn-thù dùng dẫn chứng này để trả lời. Đáp lại điều Di-lặc nhờ hào quang mà ngang thấy Phật cõi khác, nói: “Thánh chúa Sư tử diễn thuyết kinh pháp vi diệu đệ nhất” ở trên, cho nên Văn-thù dọc dẫn việc xưa, nêu đây làm câu đáp, tức là ban đầu đức Phật thuyết đốn pháp đồng.

“Đức Phật vì người cầu đạo Thanh văn mà thuyết pháp tứ đế”, tức là đức Phật xưa sau thuyết đốn pháp, lại khai pháp tiệm giáo, cũng đồng Phật nay. Trên hỏi: “Nếu người gặp khổ mà vì họ nói Niết-bàn”, nay dẫn Phật xưa cũng khai tiệm giáo để đáp câu hỏi kia. “Vì người cầu Bích-chi-phật mà thuyết pháp Thập nhị nhân duyên”, để trả lời câu hỏi trên: Nếu người có phước đức chí cầu pháp thù thắng. “Vì các hàng Bồ-tát mà thuyết sáu pháp Ba-la-mật”, trả lời câu hỏi trên: “Phật tử tu các thứ hạnh”. Đều là dẫn Phật xưa khai tiệm giáo đồng. Ngài Văn-thù đã rộng dẫn từng thấy Phật để đáp câu hỏi về cõi kia. “Khiến đắc Tam-bồ-đề thành nhất thiết chủng trí”, đây là nêu rõ Phật xưa sau khi khai đốn tiệm thì hiển thuyết Thật, cứu cánh từ đầu đến cuối. Đây là đáp câu hỏi: đức Di-lặc thấy Đức Phật cõi khác bát Niết-bàn, sau khi Phật Niết-bàn xây tháp thờ cúng. Như thế dẫn Phật xưa thuyết pháp đến sáu pháp Ba-la-mật, là nêu rõ đức Phật nay đã đồng với đức Phật xưa. Từ “Khiến đắc Tam-bồ-đề ” trở xuống là nói rõ đức Phật này sẽ đồng với đức Phật xưa...

Tiếp đến là phần Dẫn chứng hai vạn Phật danh hiệu thuyết pháp đều đồng. Ban đầu dẫn một đức Phật, nêu đầy đủ đốn tiệm thuyết pháp đồng, giữa nêu hai vạn đức Phật chỉ nêu đốn thuyết đồng, cho nên nói sơ trung hậu đều thiện, sau cùng dẫn một đức Phật chỉ nêu khai tiệm đồng. Sở dĩ như vậy, là vì nêu xen kẻ nhau đó thôi! Chỉ trước có thể biết mà không cần dẫn hai vạn đức Phật, chính là danh tự, thuyết pháp đều đồng, căn cứ nghĩa thì thuận tiện. “Họ Phả-la-đọa”, Trung hoa dịch là

Tiếp Tật, cũng gọi là Lợi căn, cũng gọi là Mãn ngữ.

Dẫn một Đức Phật cuối đồng: Từ “Đức Phật rốt sau cả” trở xuống. Văn chia làm ba phần: Một, là nêu rõ việc từng thấy cùng nay đã đồng. Hai, là nêu việc từng thấy cùng với hiện nay đang đồng. Ba, là nêu việc từng thấy cùng với nay sẽ đồng. “Từng” nghĩa là những cái quen thuộc ở quá khứ. “Đã” là chấm dứt ở quá khứ. “Từng đã”, là lặp đi lặp lại ở quá khứ. Nay lấy việc lâu xa nói là “từng”, việc ít gần đây gọi là “đã”. Dùng sáu điểm lành... gọi là “đang”. Sau khi Phật xuất định, gọi là “sẽ”.

Phần một: từ “Đức Phật rốt sau cả, khi chưa xuất gia có tám vị vương tử” là việc từng thấy cùng với nay đã đồng. Đức Phật xưa có tám vị vương tử. Đức Phật nay có một vị vương tử, số tuy không đồng nhưng đều xuất hiện ở Phạm thánh đồng cư độ. Ở cõi có Kiến Tư hoặc, đều thì hiện có con. Sự có con là đồng. Một hay tám chỉ là tùy duyên mà biểu hiện khác nhau. Sanh một con là tiêu biểu chung cho Nhất đạo thanh tịnh. Sanh tám con là tiêu biểu Tám chánh đạo. Số khác mà nghĩa đồng. Nay chọn nghĩa có con đồng. Lại, con của đức Phật xưa thì xuất gia phát tâm Đại thừa, con của đức Phật nay thì trú quả Tiểu thừa, vậy tại sao đồng? Vì Phật xưa hóa đạo xong rồi hiển rõ Bản sự, cho nên nói phát tâm Đại thừa. Nay chưa phát tích, còn nói La-hán, đến văn dưới phát bản, là Bồ-tát tức nghĩa kia đồng.

Từ “Lúc đó đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thuyết kinh Đại thừa” trở xuống, nêu việc từng thấy cùng với hiện nay đang đồng. Ở cõi đức Phật xưa, xuất hiện sáu điểm lành đều cùng nay đồng, thứ lớp như văn. Sáu điểm lành ở cõi khác của Phật xưa, nói chung đều như nay đang thấy, thì biết xưa đức Phật các cõi khác hiện sáu điểm lành cũng cùng nay đồng. Xưa nêu rõ Biệt tựa, đã có đồng hai Tựa: Hiện tướng và Hoài nghi, mà không có ba Tựa: Tập chúng, Phát vấn và Đáp vấn, là sao? Nếu suy nghĩ ra, tức có ba Tựa ấy. Vì đã nói Phật thuyết pháp thì biết chắc là có Tập chúng, đã có Hoài nghi thì biết sẽ có Phát vấn, nếu có hỏi thì ắt có Đáp vấn. Kể ra hai Tựa mà hẳn nhiên có ba Tựa kia đồng. Lại, nếu thuật lại các trả lời ở chỗ Phật xưa thì không đợi ngài Văn-thù nhọc sức nói ra, mà đã không nói đáp, tức cũng không có hỏi. Nghĩa ấy có thể hiểu.

Từ “Lúc ấy có vị Bồ-tát tên là Diệu Quang” trở xuống, nêu việc từng thấy xưa kia cùng nay sẽ đồng. Văn đây có sáu phần: Một, từ “Lúc ấy có vị Bồ-tát”, là Vì người đồng. Hai, từ “Lúc bấy giờ đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ trong chánh định mà khởi xuất”, là thuyết

pháp tên đồng. Ba, từ “Sáu mươi tiểu kiếp”..., là thời gian đồng. Bốn, từ “Thuyết kinh này rồi, liền ở trong chúng Ma, Phạm, Sa-môn”, là xứ sở diệt đồng. Năm, từ “Khi đó có Bồ-tát tên là Đức Tạng”, là thọ ký đồng. Sáu, từ “thì vào nửa đêm nhập Niết-bàn”, là nói diệt độ, lưu thông kinh đồng. Đây là phần một: Thế nào là Vì người đồng? Xưa đức Phật từ trong định xuất, vì Bồ-tát Diệu Quang mà thuyết kinh. Nay đức Phật từ trong định xuất, vì vị Thanh văn tên Thân-tử mà thuyết kinh, vậy sao nói là đồng? Diêu Sư nói: “Vì” là vì ủy thác. Giao phó truyền kinh Nhất thừa, thì không phải là nhắm vào người trực tiếp được Phật chỉ bảo. Đức Phật xưa kia dạy bảo đâu hẳn là nhắm vào Bồ-tát Diệu Quang. Cũng như nay, Phật dạy bảo trực tiếp Thân-tử, chưa hẳn Thân-tử có khả năng truyền bá lưu thông kinh này. Vì ủy thác truyền bá lưu thông, thì không ai bằng Bồ-tát Diệu Quang, cũng như nay thì không ai bằng ngài Văn-thù. Phật nay không khen, thì Phật xưa hà tất phải khen! Văn-thù dẫn chứng Phật xưa khen Bồ-tát Diệu Quang, chính là muốn nói rõ khả năng nhận ủy thác đó thôi. Lại, xưa có một số vị giải thích kinh cho rằng Bồ-tát Dương Vương là người được ủy thác, thì cũng có thể được, chỉ là dẫn xưa để chứng minh nay, có chút ít không giống nhau. Hoặc nói vì Văn-thù giải thích nghi, được đức Phật khởi định thuyết kinh, mà đối với Văn-thù nói không tiện. Nay nói rõ không như vậy, kinh văn tự nói vì Diệu Quang mà chính thuyết, và giải thích vì ủy thác lưu thông. Nếu coi Dương Vương là người được ủy thác, thì chính là công khai chống đối lời Phật dạy, đâu có liên quan gì đến giải thích kinh. Xưa vì Diệu Quang nay vì Thân-tử, chính là đồng người được ủy thác. Xưa tám người con của đức Phật tôn Diệu Quang làm thầy, Như Lai xuất định, trực tiếp bảo Diệu Quang, lại giao phó ủy thác cho Diệu Quang. Nay La-hầu-la con Phật cũng tôn Thân-tử làm thầy, đức Phật trong định ra cũng trực tiếp bảo Thân-tử. Tích môn xong. Lại phó thác cho Thân-tử, tức xưa nay không đều nhau. Lại làm sao hơn đây, nếu như Cận thì vứt bỏ Thân-tử, Viễn thì dùng Dương Vương?

Có người nghi rằng: Diệu Quang là Bồ-tát, Thân-tử là Thanh văn làm sao đồng? Việc xưa đã rõ ràng thì nói là Bồ-tát, việc nay chưa phát thì gọi là Thanh văn. Đến lúc phát Tích thì Thân-tử là đại Bồ-tát, chẳng phải giống nhau thì nghĩa là gì? Xưa Diệu Quang thù tích vì sao lại không làm Thanh văn? Đặc biệt là Văn-thù khéo giải thuyết pháp, phương tiện ẩn hiện đó thôi.

Từ “Bây giờ đức Phật Nhật Nguyệt”... là Phần hai: thuyết pháp tên đồng; như văn trên Di-lặc thấy cõi khác ban đầu đốn, sau đốn thấy

tiệm, sau tiệm thấy các thứ hạnh, sau hạnh không có cảnh, sau thấy đức Phật nhập Niết-bàn. Nay Văn-thù đáp từng thấy đức Phật ban đầu đốn, sau đốn là tiệm, sau tiệm nói các thứ hạnh, tức là thấy Pháp Hoa. Như thế sau khi hiện sáu điềm lành kia rồi thì thuyết kinh Pháp Hoa, thuyết Pháp Hoa rồi thì nhập Niết-bàn, đây là rõ ràng quyết định đáp câu hỏi của cõi nước kia.

Từ “Sáu mươi tiểu kiếp”... là Phần ba: thời tiết đồng. Như văn dưới nói: “năm mươi tiểu kiếp nghĩa là như nửa ngày” tức là đồng vậy.

Từ “Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh” xuống là Phần bốn: nói diệt đồng. Xưa thuyết Pháp Hoa xong xưng nhập diệt cũng như đức Phật Ca-diếp... Nay Phật thuyết trong phẩm Bảo Tháp “Như Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-bàn”, tức việc hóa đạo đã đủ nên đề xưng diệt độ, sự đồng.

Từ “Khi ấy có Bồ-tát”... là Phần năm: Thọ ký đồng. Xưa thọ ký cho Đức Tạng Bồ-tát, kinh này thọ ký cho hàng Thanh văn, sao được gọi là đồng? Việc xưa đã thành, cho nên nói thọ ký Bồ-tát, nhưng chính là hội tam qui nhất, Thanh văn cũng được thọ ký vậy. Nếu nói xưa thọ ký cho hàng Thanh văn, đức Phật khởi định thuyết, thì còn gì để bàn luận nữa? Văn-thù khéo giỏi luận đàm cho nên không phát tích đó thôi! Nếu nói thọ ký cho hàng Bồ-tát, thì các kinh đều như vậy, thế thì người chấp giáo chưa kinh sợ v.v...

Từ “Đức Phật thọ ký xong” là Phần sáu: Lưu thông kinh đồng. Văn chia làm năm phần: Một, là Thời tiết tức sau khi đức Phật diệt độ. Hai, là xuất hiện người kia tức là Diệu Quang. Ba, là gần lâu tức tám mươi tiểu kiếp. Bốn, là Chúng được hóa độ tức tám vương tử và tám trăm đệ tử. Năm, là Kết hợp xưa nay, tức Cầu Danh Diệu Đức đồng vậy. Phần bốn: chúng được hóa độ, lại có hai phần:

1. Tám vương tử tu hành thành Phật đã lâu.

2. Một trong tám trăm đệ tử mới thành ngôi Bồ xứ hiện nay.

Sở dĩ dẫn tám vương tử và tám trăm đệ tử, gần thì giải thích nghi và mật khai thọ lượng. Giải thích nghi: Hoặc nói Di-lặc Bồ xứ, là lớn, Văn-thù không phải Bồ xứ là nhỏ. Nhỏ không nên đáp, lớn không nên hỏi, cho nên nêu ra tám trăm thì có lẽ có người nên hỏi; Diệu Quang xưa thân gần đối với Phật, trước lại làm thầy cho nên giải thích nghi chẳng lầm lẫn. Mật khai thọ lượng: Tám vị vương tử đều thành Phật, vị sau cùng hiệu là Nhiên Đăng. Nhiên Đăng là Định Quang, Diệu Quang là tổ sư chín đời của đức Thích-ca. Cháu nay thành Phật, Sư tổ làm đệ tử. Thầy trò không cố định, là muốn ngầm nêu cái ý sinh mà không

sinh, diệt mà không diệt.

Hỏi: Xưa đức Di-lặc thấy chư Phật từng nghe Pháp Hoa, vì sao còn nghi hỏi?

Đáp: Vì tùy thời hợp căn cơ chúng, nên phải phát hỏi.

Phân minh phán xét đáp : Từ “Nay thấy điem lành này” trở xuống. Sáu điem lành xưa và nay đã đồng. Nghĩ suy quyết định không lầm lẫn. Lược từng thấy và Rộng từng thấy đều quyết định. “Sẽ thuyết kinh Đại thừa” là quyết định điem lành về thuyết pháp ở trước. “Tên là Diệu Pháp Liên Hoa” là quyết định điem lành mưa hoa ở trước. “Giáo Bồ-tát Pháp” là quyết định điem lành chúng vui mừng ở trước. “Phật Sở Hộ Niệm” là quyết định điem lành đất chấn động ở trước. Điem lành Phật nhập định đều bao gồm ở trong đó. Có người cho rằng đã đồng sẽ đồng, mà không cho là nay đồng. Căn cứ kinh văn nói: “Nay thấy điem lành này cùng với xưa không khác”, thì đây chính là nói đối với nay. Thế thì tại sao nói sáu điem lành mà cho là đã đồng? Căn cứ văn đây gọi là nay đồng, cho nên giải thích ba thứ đồng.

Tụng có bốn mươi lăm hàng kệ, không tụng phần Suy nghĩ và Lược từng thấy đáp, chỉ tụng phần Rộng từng thấy đáp, và chỉ tụng trước, sau, không tụng giữa. Văn chia làm ba phần: Phần một: có hai hàng tụng thời tiết, danh hiệu, thuyết pháp đồng. Phần hai: từ “Lúc Phật chưa xuất gia” trở xuống, có ba mươi chín hàng kệ, tụng đức Phật sau cùng có ba thứ đồng. Phần ba: có bốn hàng tụng là quyết định đáp. Trong phần hai tụng ba thứ đồng, lại chia làm ba: Một: một hàng kệ, tụng việc từng thấy cùng nay đã đồng. Hai: mười lăm hàng rưỡi, tụng việc từng thấy cùng nay đang đồng. Ba: hai mươi hai hàng rưỡi, tụng việc từng thấy cùng nay sẽ đồng.

Từ “Phật thuyết kinh Đại thừa” trở xuống, mười lăm hàng rưỡi tụng hiện nay đồng, lại chia làm hai: Một: mười bốn hàng, tụng sáu điem lành của cả hai cõi. Hai: từ “Bấy giờ bốn bộ chúng” trở xuống, một hàng rưỡi là tụng Bốn chúng ôm lòng nghi.

Trong mười bốn hàng kệ lại chia làm hai phần: Một: bốn hàng kệ, tụng sáu điem lành cõi này đồng, mà ở phần trước hàng thiếu câu “Trống trời tự nhiên vang” là tiêu biểu không ai hỏi mà đức Phật tự thuyết. “Hiện các việc hi hữu” tức tổng tụng các điem lành. Hai: từ “Ánh sáng chiếu phương Đông” có mười hàng tụng ở cõi khác sáu điem lành đồng. Văn trước hàng chỉ nói: “Như nay đang thấy ở cõi Phật đây”, văn xuôi thì lược, tụng thì rộng. Văn này chia làm năm phần. Phần một: ba hàng tụng thấy chúng sinh trong sáu đường đồng. Phần

hai: từ “Lại thấy các Như Lai” trở xuống, một hàng rưỡi, tụng thấy Phật đồng. Phần ba: từ “Thế Tôn trong đại chúng” trở xuống, nửa hàng, tụng nghe Phật thuyết pháp Đốn giáo bảy thiện đồng. Phần bốn: từ “Mỗi mỗi các cõi Phật” trở xuống, ba hàng, tụng thấy các vị tam thừa như Thanh văn v.v... tức là đức Phật xưa khai pháp Tiệm giáo đồng. Phần năm: từ “Lại thấy các Bồ-tát” trở xuống, hai hàng, tụng thấy các thứ nhân duyên tu hành Bồ-tát, tức là tụng khai giáo Phương đẳng Bát-nhã đồng. Phần một gồm ba hàng, như văn. Phần hai gồm một hàng rưỡi, giải thích. “Tự nhiên thành Phật đạo”, phương tiện đạo thì là gia tâm tu tập, phát chân thật đạo tức là không cần dụng công, chỉ tùy thuận sự tự nhiên của các pháp mà vẫn phù hợp với lý tánh. Căn cứ theo bốn giáo có thể biết..

Hỏi: Phát sinh đạo chân thật ấy nếu tự nhiên, thì đâu cần chư Phật thuyết pháp?

Đáp: Như thuyền thuận dòng, nếu gặp gió lại thêm sức chèo thì nhanh chóng đến nơi. Gió dụ cho thấy Phật nghe pháp. Chèo dụ cho sự tu hành. Thí dụ như hàng Sơ quả nhậm vận bảy phen sinh trở lại, nếu được gặp Phật gia công tu hành thì chỉ còn một hoặc hai phen sinh trở lại rồi đắc đến quả vô học... “Tự nhiên thành Phật đạo” là báo thân, lưu ly” là pháp thân vốn tịnh, “kim tượng” là ứng vật hiện hình. “Thế Tôn trong đại chúng, diễn bày nghĩa pháp sâu”: nửa hàng này nhờ pháp mà biết căn cơ người. Pháp đã sâu xa mâu nhiệm hẳn biết nhất định là chuyển căn cơ Đại thừa khai Đốn giáo. Đây là tụng phần văn: “Thuần nhất không tạp, bảy điều thiện” bên trên.

Ba hàng kết từ “Mỗi mỗi các cõi Phật, chúng Thanh văn vô số” trở xuống, tức nhờ người mà biết pháp. Người đã là Nhị thừa, ắt biết khai Tam tạng thuyết, tức là tụng văn xuôi: “vì hàng Thanh văn mà thuyết pháp tứ đế” bên trên. Tuy không tụng Duyên giác nhưng gồm nhiếp trong đó. “Hành thí nhẫn nhục đẳng”, “đẳng” là chỉ bốn độ kia vậy. Một hàng tụng đây là nói về lục độ Đại thừa bên trên. “Lại thấy hàng Bồ-tát, thâm nhập các thiền định” trở xuống, hai hàng là phần năm: tụng thấy hàng Bồ-tát các cõi khác và các thứ nhân duyên tín giải tướng mạo, lược không tụng đáp việc xây tháp bên trên. Văn trên không thấy tướng Pháp Hoa ở các cõi khác. Tiếp đây là thấy xây tháp, nay đáp thấy tướng Pháp Hoa xuất hiện, cho nên việc nhập diệt xây tháp sau sẽ đáp. Từ “Bấy giờ bốn bộ chúng” trở xuống, một hàng rưỡi: nhắc lại sự nghi ngờ của bốn chúng ở cõi Phật xưa, như văn.

Từ “Đấng người trời kính thờ” trở xuống, hai mươi hai hàng rưỡi,

tụng việc từng thấy cùng nay sẽ đồng. Văn chia làm sáu phần: Một là: hai hàng hai câu, tụng người nhận ủy thác đồng. Hai là: “Liên thuyết kinh Pháp Hoa” một câu, tụng thuyết pháp đồng như trên. Ba là từ “Đủ sáu mươi tiểu kiếp” trở xuống, một hàng và một câu, tụng thời tiết đồng. Ước tính trí tuệ trải qua các kiếp lâu dài không thể nghĩ bàn, mà suốt thời gian này Diệu Quang đều thọ trì pháp của Phật xưa, cũng như Thân-tử thọ nhận sự phó chúc của đức Phật Thích-ca. Bốn là từ: “Phật thuyết Kinh Pháp Hoa” trở xuống năm hàng, tụng trên là xướng diệt đồng, tức đáp ý chư Phật các cõi nhập diệt ở bên trên. Theo văn đây có xướng diệt có chúc lụy. Chúc lụy như kinh Di Giáo. Có thương xót khóc lóc như trong kinh Niết-bàn. Có an ủi vỗ về cũng như trong kinh Di Giáo, người đắc độ thấy đều được độ, người chưa được độ thì tạo nhân duyên được độ, cũng như đức Phật đây sẽ giao phó cho Di-lặc... Năm là từ “Đức Tạng Bồ-tát đây”, trở xuống, một hàng rưỡi, tụng thọ ký bên trên. Sáu là từ “Đêm đó Phật diệt độ” trở xuống, mười hai hàng, tụng lưu thông kinh bên trên. Phần này lại chia làm năm. Một là: Có hai hàng tụng thời gian sau khi Phật diệt độ, bốn chúng được lợi ích như ở trên. “Như củi hết lửa tắt”, theo Tiểu thừa, thì Phật lấy thân quả báo làm củi, trí tuệ làm lửa, tuệ y cứ báo thân, thân diệt trí mất. Theo Đại thừa, thì Phật lấy căn cơ làm củi, ứng hợp làm lửa, chúng sinh căn cơ hết thì ứng hình cũng diệt. “Lại càng thêm tinh tấn”, nên dùng diệt độ để độ người. Hai là từ: “Diệu Quang Pháp sư ấy” có hai câu, tụng người năng hoằng hóa kinh bên trên. Ba là từ “Trong tám mươi tiểu kiếp” có hai câu, tụng thời gian thuyết kinh. Bốn là từ “Tám vị vương tử ấy” có tám hàng tụng đệ tử được lợi ích, lại chia làm hai phần: Ba hàng đầu tụng đệ tử đã thành Phật. Năm hàng kế tiếp từ “Diệu Quang Pháp sư đó” trở xuống, tụng đệ tử sẽ thành Phật. Năm là từ “Sau Phật kia diệt độ” có một hàng, tụng kết hợp xưa nay. Bốn hàng kế sau, xưa gọi là kết thành khiến vạn vật ngưỡng mộ, nay giải thích không như vậy.

Văn trường hàng trên có Phân minh phán đáp, tức văn tụng này. Văn chia làm ba:

1. Từ “Ta thấy Phật Đấng Minh” trở xuống, có một hàng, tụng lại văn trên “sẽ thuyết kinh Đại thừa”.

2. Từ “Tướng nay như điềm xưa” trở xuống, hai hàng tụng văn trên: “giáo Bồ-tát pháp”.

3. Từ “Các người cầu tam thừa” trở xuống, một hàng tụng văn trên: “được Phật hộ niệm”, xem văn có thể biết. Lại, trước ngài Di-lặc giải thích bốn phục nạn khiến cho Văn-thù ất phải có đáp, trong đó là

Văn-thù đoạn trừ bốn phục nghi, khiến cho Di-lặc chẳng hỏi lại nữa. Nghi thứ nhất: Nhân Văn-thù rộng dẫn đức Phật trước từng thuyết kinh Pháp Hoa, cho nên Di-lặc ngầm nghi muốn hỏi : “Chư Phật phó duyên cho người thời đều có sự sai khác. Cổ Phật tuy nói tên Pháp Hoa, Phật nay đâu hẳn giống như thế?” Văn-thù liền dùng bài kệ thứ nhất để đoạn nghi: “Tôi thấy Phật Nhiên Đăng, điềm sáng trước như thế”, cho nên biết Phật nay, muốn thuyết kinh Pháp Hoa, đây là đoạn nghi câu hỏi về tên kinh. Di-lặc nhân đây lại nghi, vì có tên đồng nghĩa đồng, và có tên đồng mà nghĩa khác, tên đây hiển bày loại nào? Văn-thù liền dùng bài kệ thứ hai để đoạn, rằng: “Tướng nay như điềm xưa, là phương tiện của Phật, nay Phật phóng ánh sáng, giúp bày nghĩa thật tướng”. Đây là trả lời câu hỏi để đoạn nghi về thể của kinh. Di-lặc nhân đây lại nghi: “Thật tướng vô tướng, người làm sao hiểu?” Văn-thù liền dùng bài kệ thứ ba để đoạn nghi: “Các người nay nên biết, chấp tay một lòng chờ, Phật sẽ rưới mưa pháp, đầy đủ người cầu đạo”, đây là trả lời câu hỏi để đoạn nghi về tôn chỉ Kinh. Di-lặc nhân đây lại nghi: “Phật rưới mưa pháp chỉ thấm ướt Bồ-tát, cũng thấm ướt Nhị thừa ư?” Văn-thù liền dùng bài kệ thứ tư để đoạn nghi: “Các người cầu Tam thừa, nếu có chỗ nghi ngờ, Phật sẽ dứt trừ cho, khiến hết không còn thừa”. Đây tức trả lời câu hỏi để đoạn nghi về dụng. Di-lặc liên tiếp gây sự nghi, Văn-thù nhiều lần đoạn sự phiền nhiễu ấy, đã sự cùng lý tận tức được yên lòng. Có thể gọi là khéo léo trong việc vấn đáp, cả hai thứ trang nghiêm. Ngài Quang Trạch chỉ biết thuật lại. Kiểm sư giải thích bốn thứ phục nạn, khiến Văn-thù cần phải trả lời, làm nổi bật sự khéo léo của Di-lặc mà không thấy Văn-thù giải thích bốn phục nghi khiến Di-lặc không thể hỏi tiếp bởi vì ngưỡng mộ tài năng của Diệu Đức (tức Văn-thù). Nghĩa này rút ra chính từ Tổ Thiên Thai, không phải được truyền từ số khác. Như bảo với các Hiền giả đời sau đừng ngăn cản người có khả năng phát triển nghĩa thêm. Từ ngài Kiểm sư về sau trong vài trăm năm, người giảng Pháp Hoa nhiều vô số, có thể có người thấy được ý này chưa? Nếu chưa, thì làm sao phát triển?!

Phẩm Thứ 2: PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Giải thích phẩm này có lược có rộng.

I. LƯỢC chia làm hai:

1. Tóm lược.
2. Liệtu giản.

Thứ nhất: Tóm lược: “Phương” là pháp, “Tiện” là dụng. Pháp thì có vuông tròn. Dụng thì có cơ hội khác nhau. Tam quyền là khuôn phép là vuông. Nhất thật là khuôn tròn là tròn, nếu trí hướng đến khuôn phép vuông, thì khéo dùng thiên pháp hợp cơ duyên chúng sinh. Nếu trí hướng đến khuôn tròn, thì khéo dùng viên pháp hợp cơ duyên chúng sinh. Ví như theo ngón tay chỉ một phía, thì chỉ thấy một phía, đó là nêu thiên pháp dùng mục trí, tức là dùng Pháp để giải thích “Phương”, đem Dụng để giải thích “Tiện”. Nếu chỉ chung hết cả, thì thấy khắp chỗ viên mãn, tức là đem pháp bí mật để giải thích “Phương”, đem Diệu để giải thích “Tiện”. Nêu pháp thiên lệch để giải thích “phương tiện”, là vì chúng sinh ham muốn chữ chẳng phải bản hoài của Phật. Như kinh dạy: “khiến lìa các chấp đắm vượt khổ trong ba cõi”. Thế nên, Như Lai ân cần xưng tán phương tiện. Nghĩa đây có thể giải thích ý các kinh khác, không phải ý phẩm này. Lại phương tiện là môn vậy. Môn gọi là năng thông, thông các sở thông. Phương tiện quyền lược đều là giả dẫn. Vì chân thật mà làm môn, để chân thật được hiển bày, thế thì công do phương tiện. Từ năng hiển mà được tên, cho nên dùng môn mà giải thích phương tiện. Như kinh “khai phương tiện môn, chỉ bày tướng chân thật”, nghĩa này có thể giải thích các kinh khác, chẳng phải ý phẩm này. Lại, “Phương” là bí mật, “Tiện” là diệu. Diệu đạt nơi phương, tức là chân thật bí mật. Dạy bảo : Hãy nhận “hạt châu vô giá trong áo lót” (nội y lý vô giá chi châu). Hạt châu này cùng với hạt châu trên đỉnh đầu của vua, chỉ là một, không hai không khác. Chỉ gã cùng tử và bảo với mọi người rằng: Hấn là con ông Trưởng giả, không hai không khác. Nói như thế, là bí mật là diệu. Như kinh nói: “Chỉ có ta biết tướng đó, mười phương Phật cũng như vậy”. “Thôi thôi! không cần nói nữa, pháp của ta vi diệu khó hiểu”. Cho nên, dùng nghĩa Bí mật để giải thích “Phương”, dùng nghĩa Diệu để giải thích “Tiện”, chính là ý của phẩm này, cho nên nói “phẩm Phương Tiện”.

Thứ hai: Giải thích, có ba bước: Ban đầu giải thích là “Phương tiện ngoài thế”, quyền hóa vật, tùy theo ý người khác mà nói. Tiếp đến, giải thích cũng là “Phương tiện ngoài thế”, quyền tự hành hóa tha, tùy theo

ý mình và ý của người khác mà nói. Sau, giải thích là “Đồng thể phương tiện”, tức là quyền tự hành, chỉ theo ý của mình mà nói.

Ban đầu, giải thích Phương tiện chẳng phải năng nhập chẳng phải sở nhập. Tiếp đến, giải thích Phương tiện là năng nhập, chẳng phải sở nhập. Sau, giải thích Phương tiện là sở nhập chẳng phải năng nhập. Cho nên, phải biết rằng tên tuy đồng mà nghĩa thì hoàn toàn khác. Người đời phần nhiều không thấy ý này, mà chỉ rộng thích phẩm Phương Tiện.

Hỏi: Phương tiện cùng với quyền, là thế nào?

Đáp: có bốn câu phân biệt:

1. Tự có phương tiện phá quyền.
2. Quyền phá phương tiện.
3. Phương tiện tu quyền, quyền tu phương tiện.
4. Phương tiện tức quyền, quyền tức phương tiện.

Phương tiện phá quyền: bốn thứ đều là phương tiện bí mật vi diệu, phương tiện này phá quyền tùy theo ý người khác. Quyền phá phương tiện: quyền là quyền đồng thể, phá phương tiện ở ngoài thể. Tương tu ấy cũng có thể hiểu. Tương tức ấy cũng có thể hiểu. Ba câu đầu có thể giải thích kinh khác, câu thứ tư là ý phẩm này. Cho nên kinh Chánh Pháp Hoa gọi là Phẩm Thiện Quyền. Quyền tức phương tiện, không hai không khác. Cúi đầu, gơ tay, đều thành Phật đạo. Phương tiện thiện quyền đều là chân thật.

II. GIẢI THÍCH RỘNG: Trước hết nêu ra xưa giải thích năm thời quyền thật, mười hai năm trước chiếu sự vô thường là quyền, chiếu lý vô thường là thật, chỉ A-tỳ-đàm. Nay cho rằng Thích luận phá vô thường là pháp đối trị, đều thuộc tam Tát-đàn. Sao nói có thật ư? Chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Sau mười hai năm thì Bát-nhã chiếu “giả có” là quyền, chiếu “giả có tức không” là thật, Thích luận cũng phá nghĩa này, quán niệm tưởng đã trừ, pháp ngôn ngữ đều diệt. Chiếu “giả có tức không”, thì cũng như quán tưởng đó thôi, chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Tiếp theo là kinh Tịnh Danh và kinh Tư Ích: bên trong thì tranh luận, soi rõ “hai cảnh Không và Có” làm thật trí, bên ngoài thì biến động ứng dụng làm quyền trí. Nay nói rằng: “bên trong xem xét, bên ngoài ứng dụng” là hai, chẳng phải nhập môn bất nhị, chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Tiếp nữa Pháp Hoa chiếu Tam tam (Tam nhân, Tam cơ, Tam giáo) là quyền, chiếu Tứ nhất là thật (Tứ nhất: giáo nhất, hành nhất, nhân nhất, lý nhất). Nay cho rằng tam quyền nhất hướng không hội nhập thật, nhất thật không liên quan đến tam quyền, cũng chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Tiếp, kinh Niết-bàn thì cho rằng

“vô thường trước Kim Cang” là quyền, và “thường sau Kim Cang” là thật. Nay nói: “đạo tiền chân như” cũng là thường, “đạo hậu như lượng trí” cũng là quyền. Năm thời quyền thật đó chẳng phải chỗ dùng của kinh này. Cho đến hai trí Quyền Thực bán mãn mà bốn tông chỉ đã nói, không phải chỗ dùng của kinh này. Lại có người giải thích: phương tiện là quyền, “như vậy thật” là đúng thật. Lại, phương tiện là quyền xảo, thật là trí tuệ. Lại, phương tiện là quyền giả, giả ba xe ở ngoài cửa. Lại, phương tiện là quyền nghi, vì thích nghi thuyết tam thừa. Lại, quyền là tên gọi của Thí dụ. Thí dụ như quả cân, trước là phép tắc, ở chỗ coi trọng (nó) vẫn là phép tắc, ở chỗ coi nhẹ (nó) vẫn là phép tắc, bình thường, hợp với Phật trí chiếu soi quan sát xứng lượng. Các giải thích như vậy, mỗi mỗi dùng một cách. Quyền như vậy, quyền giả thì căn cứ xử sở. Quyền nghi thì theo pháp môn. Quyền xảo ví như quả cân, dựa theo trí năng. Tất cả cách giải thích đó thì nghĩa không bao hàm, không dung thông vi diệu, không thể dùng để giải thích phẩm này.

Lại, có người dùng bốn loại nhị tuệ: Loại một: một là quyền, một là thật. Loại hai: hai trí quán Không và Có: quán Không, thì chẳng chứng, là Nhị thừa; quán Có thì chẳng nhiễm, ra khỏi phàm phu. Loại ba: “tĩnh lặng bên trong cái Không và Có” là thật, cái dụng bên ngoài là quyền. Loại bốn: Vô thường trước Kim-cang là quyền, Thường sau Kim-cang là thật. Hai tuệ đầu khiến sinh tín, hai tuệ thứ hai khiến sinh giải, hai tuệ thứ ba khiến hóa tha, hai tuệ thứ tư là quả. Các nhị tuệ này gồm có ba phen chuyển: Phen thứ nhất: coi Có là tục, Không là chân. Phen thứ hai: coi Không và Có là tục, phi Không phi Có là chân. Sau cùng Không và Có là nhị, phi Không phi Có làm bất nhị. Nhị và bất nhị, đều là tục, phi nhị phi bất nhị, là chân. Giáo trí cũng như thế. Vì sao vậy? Vì Vị nhân Tất-đàn, do có người trước nghe chẳng ngộ, sau nghe liền ngộ, cho nên nhị đế không đồng. Lại đức Như Lai thường nương nhị đế mà thuyết pháp, cho nên nhị đế có ba môn. Lại, giáo lý Phật tuy nhiều mà không vượt ngoài ba môn. Lại, dần dần mà dẫn dắt chúng sinh. Bởi vì phàm phu chấp tâm hình là thật, cho nên dạy họ rằng tâm hình đó chẳng thật, mà pháp tánh Không mới là chân. Phàm phu liền xả Có chấp Không, nên Phật dạy Không và Có đều là tục, phi Không phi Có mới là chân. Họ xả nhị biên, lại đắm Trung đạo, cho nên lần thứ ba dạy viễn ly nhị biên không chấp đắm Trung đạo, mới là chân. Đây gọi là ngũ thừa nhân. Ban đầu dẫn phàm phu sinh tín là chấp Có, tiếp đến dẫn Nhị thừa khiến nhập Trung đạo. Tiếp nữa, dẫn Bồ-tát khiến Trung đạo thiên kiến đều xả. Lại, vì người học Trung đạo mà nói ba

giả là thế tục, ba giả Không là chân, đây chỉ hiểu được ý ban đầu. Tiếp đến, chẳng phải ba thứ Giả, Không, Có, đều là tục, chẳng phải Không chẳng phải Có là chân... Nay nói rõ giải thích như thế là bên cạnh ngũ thời mà hiển bày ý mình, là từ chối từng bước leo lên các bậc thang, là không hợp lý vậy! Có thể giải thích các kinh khác, chẳng phải ý của phẩm này.

Kinh dạy: “Đều khiến cho chúng sinh thấy đều nhìn thấy”. Dù trước hay sau lúc nào mà khai ngộ không đồng? Lại nói “chính trực xả phương tiện”, thì sao lại dùng tiệm thứ (dần dần) hợp với viên diệu? Lại nữa, ban đầu dẫn sinh tín, sinh giải, hóa tha, quả... đâu có liên quan gì đến ý ngộ nhập của kinh này? Như ngài Thiên Thân nêu mười bảy tên gọi, tên gọi thứ mười ba là Đại Xảo Phương Tiện. Lại, Kinh Đại Thừa Phương Tiện nêu tên của mười thứ phương tiện, tên thứ chín là Thiệu xảo phương tiện, chuyển đổi nhị thừa khiến nhập Đại thừa phương tiện Ba-la-mật. Nên biết phẩm này chính là Như Lai phương tiện, thâm nhiếp hết thủy pháp, như hư không bao trùm sắc, như biển thâm nạp các dòng. Há có thể lấy một nhánh một phái của các sư mà giải thích toàn bộ pháp giới? Nay nêu rõ quyền thật, trước hết làm bốn câu: tất cả pháp đều là quyền, tất cả pháp đều là thật, tất cả pháp cũng quyền cũng thật, tất cả pháp phi quyền phi thật. Tất cả pháp đều là quyền: Như văn nói: “Các pháp tướng như vậy, tướng như vậy, thể như vậy, lực như vậy, bản mặt... như vậy”, do đó có nói thì đều là quyền. Tất cả pháp đều là thật: Như văn: “Như Lai khéo thuyết các pháp, lời lẽ êm dịu làm vui đẹp lòng chúng”. Lòng chúng lấy hội nhập thật làm vui. Lại, “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng”. Lại nói: “Những lời Như Lai thuyết đều đạt đến Nhất thiết trí địa”. Lại nói: “đều thật, không hư dối”. Lại bốn câu trong Đại kinh đều là bất khả thuyết. Tất cả pháp cũng quyền cũng thật: Như văn nói: “Các pháp như thật tướng”, là nêu cả hai tất cả cũng quyền cũng thật. Thí dụ như quán bất tịnh, cũng quyền cũng thật...

